

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2020/DSST**
Ngày: 11/6/2020
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Ký và ông Ngô Thanh Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Giang -Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 207/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Vợ chồng ông Lê Văn T– sinh năm 1973, bà Bùi Thị H– sinh năm 1975.

Trú tại: Thôn H, xã X (nay là xã X1), thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Th, sinh năm 1964, bà Phan Thị T1, sinh năm 1969;

Trú tại: Thôn H, xã X (nay là xã X1), thị xã S, Phú Yên; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2019, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn Vợ chồng ông Lê Văn T, bà Bùi Thị H trình bày: Do có mối quan hệ bà con nên vào ngày 29/12/2018, vợ chồng ông T, bà H có cho vợ chồng ông Nguyễn Th, bà Phan Thị T1 mượn số tiền 30.000.000 đồng và 05 cây vàng y 24k loại 9999, không có thỏa thuận lãi; Việc mượn tiền và vàng có lập giấy viết tay do bà T1 viết và cả vợ chồng ông Th, bà T1 ký tên. Vợ chồng ông Th, bà T1 nói mượn tiền và vàng để mua thức ăn cho tôm và hứa khi nào vợ chồng ông T, bà H cần tiền và yêu cầu trả thì vợ chồng ông Th, bà T1 sẽ trả lại tiền và vàng. Sau khi mượn tiền và vàng nêu trên, vợ chồng ông Th, bà T1 không trả nợ theo đúng thỏa thuận. Vợ chồng ông T, bà H nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Th, bà T1 trả nợ nhưng ông Th, bà T1 không thực hiện, có tình trốn

tránh, không trả tiền và vàng theo thỏa thuận mà bỏ đi khỏi địa phương không thông báo cho vợ chồng ông T, bà H biết.

Do đó, vợ chồng ông T, bà H yêu cầu vợ chồng ông Th, bà T1 phải trả cho vợ chồng ông T, bà H số tiền vay gốc 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và 05 cây vàng y 24k loại 9999; vợ chồng ông T, bà H không yêu cầu lãi suất.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu đã tiến hành triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Vợ chồng ông Nguyễn Th, bà Phan Thị T1, nhưng vợ chồng ông Th, bà T1 không đến Tòa, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự và cố tình vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và những người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự (BLDS), Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã mượn là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và 05 cây vàng y 24k loại 9999. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 207/TB-TLVA ngày 26/12/2019 cho bị đơn Vợ chồng ông Nguyễn Th, bà Phan Thị T1 nhưng hết thời hạn được quy định tại Điều 174, 175 của BLTTDS vợ chồng ông Th, bà T1 không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án tiếp tục triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho vợ chồng ông Th, bà T1 vào ngày 21/01/2020 và ngày 11/02/2020 nhưng vợ chồng ông Th, bà T1 vẫn vắng mặt tại Tòa mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã tiến hành hòa giải, đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa lần thứ hai, nhưng vợ chồng ông Th, bà T1 đều vắng mặt không lý do;

Theo kết quả xác minh tại Công an xã X (nay là xã X1) thì vợ chồng ông Nguyễn Th, sinh năm 1964; bà Phan Thị T1, sinh năm 1969 cùng có hộ khẩu thường trú tại: Thôn H, xã X (nay là xã X1), thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vợ chồng ông Th, bà T1 đã bỏ địa phương đi từ khoảng tháng 2 năm 2019 cho đến nay không về lại địa phương, không báo cho địa phương biết nên địa phương không biết vợ chồng ông Th, bà T1 đi đâu, ở đâu. Vợ chồng ông Th, bà T1 cũng không thông báo cho nguyên đơn ông T, bà H biết địa chỉ nơi cư trú mới của vợ chồng ông Th, bà T1 ở đâu. Việc bỏ đi của vợ chồng ông Th, bà T1 thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ Điều 227, 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền và vàng đã mượn theo giấy mượn tiền. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- Xét yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và đối chiếu với giấy mượn tiền, vàng ngày 29/12/2018 do Vợ chồng ông Nguyễn Th, bà Phan Thị T1 viết và cùng ký tên, có cơ sở xác định: Ngày 29/12/2018, bị đơn Vợ chồng ông Nguyễn Th, bà Phan Thị T1 có vay của nguyên đơn Vợ chồng ông Lê Văn T, bà Bùi Thị H số tiền 30.000.000 đồng và 05 cây vàng y 24k loại 9999, không xác định thời hạn trả nợ, không thỏa thuận lãi. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không trả nợ đúng cam kết là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của BLDS. Việc vợ chồng ông Th, bà T1 có mượn tiền và vàng của vợ chồng ông T, bà H nhưng không thanh toán theo thỏa thuận là xâm phạm đến quyền lợi của vợ chồng ông T, bà H.

Sau khi vay, Vợ chồng ông Nguyễn Th, bà Phan Thị T1 bỏ đi khỏi địa phương mà không thông báo cho vợ chồng ông T, bà H biết về nơi cư trú, làm việc mới là trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và 05 cây vàng y 24k loại 9999.

- Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xét.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền và vàng phải trả cho nguyên đơn: $(30.000.000đ + 5 \text{ cây vàng y } 9999 \text{ (tương ứng số tiền } 240.000.000đ)) \times 5\% = 13.500.000đ$; Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn; (Vàng 24k 9999 giá 4.800.000đ/chỉ)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vợ chồng ông Lê Văn T, bà Bùi Thị H.

1. Buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Th, bà Phan Thị T1 phải trả cho nguyên đơn vợ chồng ông Lê Văn T, bà Bùi Thị H số tiền gốc đã mượn là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và 05 (năm) cây vàng y 24k loại 9999.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Vợ chồng ông Nguyễn Th, bà Phan Thị T1 phải chịu 13.500.000đ (*Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Vợ chồng ông Lê Văn T, bà Bùi Thị H số tiền 5.625.000đ (*Năm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000448 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Sông Cầu (2);
- Chi cục THADS thị xã S;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*Đã ký*)

Trần Thị Diễm Huyền

